

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

.....

TIỂU LUẬN

HP: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

Đề tài: *Thực trạng và giải pháp phát triển các loại thị trường ở Việt Nam.*

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam là một quốc gia nhỏ bé và còn non trẻ thuộc vùng Đông Nam Châu Á, một dân tộc anh hùng với bao phen vào sinh ra tử để bảo vệ nền độc lập của dân tộc, và nay cũng đang chứng minh với toàn thế giới họ cũn là một dân tộc anh hùng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Từ Đại hội VI, VII, VIII đến đại hội IX của Đảng nhiều tư duy nhận thức mới đã được rút ra và trở thành các quan điểm mới. Đảng ta đã khẳng định “đổi mới nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” ở Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn và cấp thiết. Để phát triển nền kinh tế thị trường theo đúng nghĩa của nó ta cần xây dựng và phát triển đồng bộ tất cả các loại thị trường, những loại thị trường còn đang hết sức mới mẻ ở Việt Nam. Việc hình thành đồng bộ các loại thị trường là một yêu cầu khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa “có thể ví cơ thể sống phải có đầy đủ các bộ phận của cơ thể”. Tuy nhiên trong cơ thể sống mọi bộ phận không thể cùng một lúc được hình thành và phát triển như cơ thể đã trưởng thành. Nền kinh tế cũng vậy, để có thể vận hành được thì phải nhen nhóm áp ủ hình thành và phát triển dần từng bước.

Nghị quyết đại hội Đảng IX đã khẳng định: “Thúc đẩy sự hình thành phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là những thị trường còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường vốn, thị trường khoa học công nghệ”.

Theo mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, đảm bảo dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Việc nghiên cứu và định hình phát triển các loại thị trường ở nước ta đã được rất nhiều viện nghiên cứu kinh tế quốc gia nghiên cứu.

Xuất phát từ những vấn đề đã nêu ở trên, em đã chọn đề tài “***Thực trạng và giải pháp phát triển các loại thị trường ở Việt Nam***” để hoàn thành bài tiểu luận này.

NỘI DUNG CHÍNH

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Các khái niệm và chức năng của thị trường

Nước ta đang chuyển dịch dần nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự quản lý của Nhà nước đang có những bước đi có hiệu quả. Để hiểu được cách vận hành và vai trò của nó đối với nền kinh tế ra cần hiểu rõ bản chất của nó.

Thị trường là phạm trù kinh tế gắn liền với phân công lao động xã hội và sản xuất hàng hóa VI.Lênin nói: “Ở đâu và khi nào có phân công lao động xã hội và sản xuất hàng hóa thì ở đó và khi ấy có thị trường”. Việc hình thành nền kinh tế thị trường ở nước ta là hoàn toàn hợp lý bởi lẽ kinh tế thị trường là hình thức xã hội của tổ chức hoạt động kinh doanh trong đó có các quan hệ kinh tế giữa các cá nhân, giữa các doanh nghiệp đều được thực hiện thông qua trao đổi, mua bán hàng hóa và dịch vụ trên thị trường. Kinh tế thị trường xuất hiện như một yêu cầu khách quan của nền kinh tế hàng hóa - việc phát triển nền kinh tế thị trường đồng hành với nó là phát triển đồng bộ, tức là phát triển đồng thời, từng bước các loại thị trường kèm theo như thị trường vốn, hàng hóa dịch vụ... Nền kinh tế thị trường đem lại cho nền kinh tế một luồng sinh khí mới, một con đường phát triển nhanh hơn, thuận lợi hơn. Nền kinh tế thị trường giúp cho nền kinh tế vận hành và phát triển theo sự điều tiết của thị trường , theo các quy luật của thị trường như quy luật giá trị, quy luật cung cầu... Bản thân nền kinh tế thị trường đã làm giảm gánh nặng cho chính phủ, chính phủ không cần quản lý mọi việc như trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung nữa, Nhà nước chỉ cần định hướng và quản lý cho đúng đắn và hợp lý. Nói đến thị trường là nơi mà ở đó mọi người trao đổi, giao lưu nhằm thoả mãn nhu cầu của mình và người khác, không phải bó hẹp , không phải phụ thuộc với nhiều mối quan hệ mua bán, bán mua phức tạp, phong phú.

II. Phát triển đồng bộ các loại thị trường ở Việt Nam là một tất yếu khách quan

Thực tiễn việc chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường ở nước ta trong thời gian qua cho thấy dù muốn hay không, một khi đã chấp nhận nền kinh tế thị trường, hay nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, hay nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì điều cốt lõi nhất vẫn là phải có thị trường. Một khi đã chấp nhận sự hiện hữu của thị trường thì cần phải có đầy đủ các loại thị trường. Cuộc chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường của các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô trước đây, dù là áp dụng liệu pháp sốc như Balan, Nga hay tiệm tiến như Hungari, Bungari thì cũng vẫn là việc xây dựng một nền kinh tế thị trường có đầy đủ các loại thị trường với đầy đủ các bộ phận cấu thành của nó. Công cuộc chuyển sang kinh tế thị trường của Trung Quốc là tiệm tiến hơn, dò đá qua sông, nhưng không né tránh việc xây dựng các loại thị trường. Ở nước ta cũng vậy, chúng ta cần xây dựng đầy đủ các loại thị trường để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam vận hành có hiệu quả.

Năm 1986, Đại hội Đảng VI đã đánh dấu mốc lịch sử khởi xướng công cuộc đổi mới ở nước ta. Từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là một bước ngoặt quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Với cơ chế cũ, nền kinh tế nước ta thiếu động lực và khi nguồn viện trợ từ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa không còn, nền kinh tế nước ta rơi vào khủng hoảng.

Từ đổi mới tư duy đến đổi mới cơ chế và xây dựng hàng loạt chính sách, luật pháp theo thị trường, nước ta đã trải qua một thời kỳ tự tìm kiếm đầu ra cho các sản phẩm. Từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường là một chặng đường lịch sử mà nhiều nước trên thế giới trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trải qua, trả giá và phải chuyển đổi.

Trước đổi mới kinh tế, nước ta gặp nhiều khó khăn, sản xuất đình trệ, tăng trưởng thấp, lương thực thiếu, hàng tiêu dùng khan hiếm nghiêm trọng, giá cả tăng nhanh, đời sống dân cư khó khăn thiếu thốn. Nhiều công trình xây dựng

bị đình lại vì không có vốn. Ngân sách thiếu hụt, cán cân thương mại mất cân đối nghiêm trọng, nhập khẩu gấp 4-5 lần xuất khẩu. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1976-1980) cũng là kế hoạch 5 năm lần đầu khi đất nước được giải phóng, chúng ta không đạt được các mục tiêu cơ bản. Mô hình kế hoạch hóa tập trung xâm nhập vào miền Nam yếu ớt. Việc cải tạo tư bản và hợp tác hoá ở miền Nam không mang lại kết quả. Nhiều mô hình, chính sách được đưa ra để tháo gỡ nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu. Tiếp đến là kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1981-1985) nền kinh tế đứng trước bờ vực thẳm của một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng.

- Sản xuất đình trệ trong tất cả các ngành : công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ... Nhiều công trình đang xây dựng bị đình lại vì không có vốn.
- Mất cân đối nghiêm trọng trong cán cân thương mại, nhập khẩu nhiều (cả hàng tiêu dùng) trong khi xuất khẩu không đáng kể.
- Thất nghiệp lớn, bộ máy hành chính phình to, thừa biên chế 30%
- Lạm phát tăng nhanh, đầu năm 1990 tăng khoảng 30-50% hàng năm, cuối năm 1985 tăng lên 587,2%
- Kỷ cương xã hội bị xói mòn.

Khó khăn chồng chất, đời sống nhân dân đặc biệt là ở nông thôn túng thiếu. Giữa thập kỷ XX nước ta đứng trước cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài và gay gắt chưa từng có.

Do cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp thiếu động lực và bị xơ cứng kéo dài, ở một số địa phương đã có sự tìm tòi, thí điểm, phá rào, làm chui để tìm lối ra. Tư duy đổi mới của Đảng đã bắt gặp đổi mới hành động của nhân dân. Bắt đầu là tự phát, dần dần trở thành quan điểm và chính sách đổi mới.

Thí điểm khoán hộ ở Vĩnh Phúc - cơ sở thực tiễn của chỉ thị 100 của Ban bí thư vào tháng 10-1981 và trở thành một hình thức tổ chức sản xuất mới trong nông nghiệp nông thôn, được nông dân đồng tình, hưởng ứng. Kinh tế hộ phát huy tác dụng, giải phóng sức sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm. Cùng với sự thay đổi cơ chế kinh tế, trong nông nghiệp một khối lượng sản phẩm hàng hóa, lương

thực lớn sản xuất ra, ngoài việc được tiêu dùng trong nước, còn xuất khẩu. Trước đó, lương thực là sự thiếu hụt trầm trọng, hàng năm phải kêu gọi viện trợ từ bên ngoài. Kinh tế hộ phát triển và hiện nay kinh tế trang trại ra đời, sức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn đang được giải phóng góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa nông thôn.

Quá trình đổi mới nước ta từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan- đó là sự đòi hỏi thúc bách của cuộc sống : đời sống nhân dân khó khăn, sản xuất đình trệ, lạm phát, thiếu việc làm, thâm hụt cán cân thanh toán, thâm hụt ngân sách Nhà nước kéo theo các chỉ tiêu kinh tế cơ bản quốc gia đều thấp dưới chỉ số an toàn về quản lý kinh tế vĩ mô - sự đổi mới ở nước ta cũng phù hợp với diễn biến của tình hình thế giới. Trong khi Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, bên cạnh sự tăng trưởng của các nước công nghiệp mới, đặc biệt là các nước và các vùng lãnh thổ Đông Á có nền kinh tế thị trường đã đặt ra cho nước ta phải tự tìm kiếm một mô hình kinh tế mới. Mô hình kinh tế thị trường gắn với sự quản lý của Nhà nước phù hợp với đặc điểm Việt Nam.

Theo thời gian và diễn biến thực tế quá trình đổi mới, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn ngày càng sáng rõ. Việc chuyển đổi nền kinh tế thị trường ở nước ta là sự phù hợp giữa yêu cầu chủ quan và khách quan, quy luật vận động của sản xuất và cuộc sống, phù hợp với diễn biến của tình hình trong và ngoài nước.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

CÁC LOẠI THỊ TRƯỜNG

I. Thực trạng phát triển các loại thị trường ở nước ta hiện nay

Từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, nền kinh tế nước ta đang từng bước hình thành các loại thị trường mới. Cùng với các thị trường thông thường như thị trường hàng hóa dịch vụ, các thị trường tài chính, thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ đang được hình thành. Nhìn chung các loại thị trường này ở nước ta còn sơ khai, chưa hình thành đồng bộ xét về trình độ, phạm vi và sự phối hợp các yếu tố thị trường trong tổng thể toàn bộ hệ thống. Các loại thị trường như thị trường hàng hoá - dịch vụ thông thường đáp ứng nhu cầu thường xuyên của người tiêu dùng như ăn uống, khách sạn, du lịch, hàng hoá tiêu dùng... đã phát triển nhanh. Trong khi đó một số loại thị trường còn đang rất sơ khai, thông tin không đầy đủ. Có những thị trường bị biến dạng, không theo quy luật của thị trường, sự kiểm soát của Nhà nước kém hiệu quả như thị trường bất động sản đang hoạt động “ngầm”. Một số thị trường đang bị chi phối bởi cơ chế thị trường và tính bao cấp của cơ chế cũ như thị trường sức lao động. Tiền lương, tiền công của công chức một phần được trả từ ngân sách theo cơ chế bao cấp, một phần được bù đắp bằng chế độ trả thêm, ngoài giờ hoặc các khoản khác từ các nguồn khác nhau. Thu nhập của công chức hầu hết cao hơn tiền lương vì chế độ tiền lương đã quá lạc hậu.

Nguyên nhân thị trường nước ta phát triển còn thấp, chưa đồng bộ là:

- Bản thân nền kinh tế phát triển từ một nước nông nghiệp lạc hậu, lực lượng sản xuất yếu, kết cấu hạ tầng bất cập, cơ cấu kinh tế chưa hình thành một nền kinh tế hàng hóa hiện đại của một nền kinh tế công nghiệp.
- Nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều vấn đề còn bất cập song trùng.

- Hệ thống pháp luật, chính sách kinh tế thị trường mới hình thành chưa theo kịp cuộc sống thực tế và luật pháp quốc tế.

Những thị trường cơ bản và hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc phát triển đồng bộ thị trường ở nước ta là :

1. Thị trường hàng hóa - dịch vụ

Thị trường hàng hóa – dịch vụ đã được hình thành sơ khai ngay trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, nhất là thị trường nông sản, mặc dù trong thời kỳ này chúng ta không có khái niệm về thị trường theo đúng nghĩa của nó và không khuyến khích phát triển thị trường . Thị trường này hình thành là do nhu cầu cuộc sống xã hội, nhu cầu của nền kinh tế . Sự phát triển của thị trường hàng hóa – dịch vụ có bước đột phá tương đối mạnh kể từ khi Việt Nam áp dụng chế độ khoán trong nông nghiệp và kế hoạch 3 phần trong xí nghiệp quốc doanh (đầu những năm 80 của thế kỷ XX). Thị trường này có sự thay đổi cơ bản kể từ khi chúng ta xoá bỏ chế độ tem phiếu, thực hiện cơ chế giá thị trường đối với hầu hết hàng hóa và dịch vụ, từng bước tiền tệ hóa tiền lương, từng bước xoá bỏ bao cấp, xoá bỏ việc “ngăn sàng, cấm chợ”, trao quyền tự chủ kinh doanh cho doanh nghiệp... (những năm giữa và cuối thập niên 80 của thế kỷ XX). Thị trường này đặc biệt phát triển mạnh từ khi Việt Nam tuyên bố áp dụng cơ chế thị trường, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế (từ những năm 90 thế kỷ XX).

Hiện nay, hàng hóa là sản phẩm sản xuất ra để bán theo quan hệ cung – cầu. Quá trình sản xuất và tiêu dùng ngày càng phát triển ,sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú. Người tiêu dùng ngoài nhu cầu về sản phẩm vật chất còn có nhu cầu về sản phẩm không vật chất, đó là các dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu của con người như dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thông tin liên lạc, văn hoá, du lịch,... phát triển mang tính toàn cầu.

Từ khi tiến hành đổi mới nền kinh tế , thị trường hàng hóa – dịch vụ ở nước ta phát triển nhanh chóng, tạo ra môi trường cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Thị trường hàng hóa – dịch vụ đã hoạt động sinh động trong hệ thống các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần hoặc liên doanh với nước

ngoài ...Thị trường hàng hóa – dịch vụ đã mở rộng với thị trường khu vực và thế giới.

Nước ta đã đạt được những thành tựu rất đáng coi trọng từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay. Sản phẩm tạo ra do các thành phần kinh tế, các cấp, các doanh nghiệp, hộ gia đình với số lượng lớn. Lương thực (quy thóc) năm 1980 cả nước chỉ đạt 14,4 triệu tấn. Năm 1986 sản xuất được 18,38 triệu tấn lương thực. Năm 1990 sản xuất lương thực là 21,49 triệu tấn và bắt đầu xuất khẩu gạo với 1,2 triệu tấn. Ngoài gạo thị trường nước ta đã sản xuất ra nhiều hàng hoá, dịch vụ đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao từ khi đổi mới là trên 7%. Theo báo cáo của tổng cục thống kê, năm 2002 nền kinh tế tăng trưởng khá, các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2002 đạt và vượt chỉ tiêu đã đề ra. Tổng sản phẩm trong nước tăng 7,04%, cao hơn 0,15% so với mức tăng trưởng năm trước; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,5%. Sản lượng một số sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp quan trọng phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu đều bằng hoặc vượt trội mức sản xuất của các năm trước. Sản lượng lúa đạt 34,1 triệu tấn, đảm bảo đủ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu 3,2 triệu tấn gạo, sản lượng đỉm tăng 16%, thép cán tăng 27,7%, xi măng tăng 25,8%, thủy sản chế biến tăng 25,2%, quần áo may sẵn tăng 26,1%, vải lụa tăng 10%. Kim ngạch xuất khẩu cả năm đạt 16,5 tỉ USD, tăng 10% so với năm 2001, mặc dù nhập siêu còn lớn với 2,8 tỉ USD -bằng 16,8% kim ngạch xuất khẩu. Dịch vụ có bước biến chuyển mới, phát triển trong 10 năm tăng 8,3%, hoạt động thương mại tăng, tổng mức bán lẻ hàng hoá dịch vụ xã hội 5 năm 1996-2000 tăng 10,3 %/năm, xuất khẩu bình quân 10 năm là 29,1 %/năm . Như vậy cả hàng hoá, dịch vụ của Việt Nam phát triển nhanh, khối lượng hàng hoá, dịch vụ ngày càng lớn đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong nhiều năm.

Cùng với sự lớn mạnh của nền kinh tế, quá trình mở rộng giao lưu hàng hóa - dịch vụ nước ta với quốc tế cũng ngày càng phát triển, ranh giới giữa các quốc gia đã không còn. Việt Nam đã xuất khẩu ra hơn 100 quốc gia trên thế giới với mặt hàng chủ lực gạo, hải sản, thủy sản, dệt may, giày da... Nói đến những

thành công thì không thể không nói đến những vấn đề đang còn bất cập trong sự phát triển của thị trường hàng hóa - dịch vụ của ta. Đó là thị trường hàng hóa - dịch vụ còn manh mún, quy mô nhỏ, chất lượng hàng hoá kém, tính cạnh tranh chưa cao, sức mua còn thấp, hàng hoá ứ đọng khó tiêu thụ, khi hàng hoá nước ngoài vào thì khó cạnh tranh về giá cả và chất lượng. Thị trường và sức mua phát triển không đồng đều, sức mua thấp ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Hệ thống pháp luật yếu, thiếu, chưa đồng bộ. Thương hiệu hàng hóa Việt Nam còn ít, chưa tạo được chữ tín cho khách hàng.

2. Thị trường lao động

Có thể nói thị trường lao động là khá mới mẻ đối với Việt Nam bởi lẽ việc hình thành các chợ lao động, trung tâm giới thiệu việc làm rất nhỏ lẻ. Có thể nói lao động là một yếu tố đầu vào quan trọng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm : lao động, đất đai, vốn ... Đối với nước ta hiện nay việc hình thành thị trường lao động là hết sức cần thiết, nó giúp tháo gỡ những vướng mắc giữa người lao động và người sử dụng lao động, giúp rút ngắn con đường tìm việc làm và tuyển dụng lao động, giúp cho quá trình “người tìm việc, việc tìm người” diễn ra một cách khoa học, dễ dàng, đảm bảo quyền lợi của người mua và người bán thông qua hợp đồng lao động.

Ở nước ta lực lượng lao động rất dồi dào. Tính đến ngày 1/7/2003 lực lượng lao động cả nước lớn hơn 15 tuổi là 42.128.300 người , tăng 1,85% so với năm 2002, trong đó ở thành thị có 10.186.800 người, ở nông thôn là 31.941.500 người chiếm 75,82%, lực lượng lao động đang làm việc là 41.179.400 người, lao động được đào tạo 21%; nhưng vẫn còn thiếu lực lượng lao động có tay nghề. Trong năm 2002, tổng vốn đầu tư nước ngoài tập trung chủ yếu vào lĩnh vực xây dựng và công nghiệp với 569 dự án được cấp phép, chiếm 82% tổng số dự án, tổng số vốn đăng ký 1,112 tỉ USD, chiếm 84% tổng số vốn đăng ký, thu hút 70% lao động và tạo trên 90% giá trị xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Nhà nước cũng đã tạo điều kiện cho sự phát triển của nguồn lao động trong nước. Năm 2003 đã có 8 trường dạy nghề đưa tổng số trường dạy nghề

trên cả nước là 213 trường, số trung tâm dạy nghề là 221, chất lượng tiến độ tốt nghiệp 90% đã đào tạo được 4000 giáo viên, và có 70% số người ra tìm được việc làm. Trong các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2005 về lao động và việc làm đã đề ra của đại hội Đảng IX là:

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng lao động cho sản xuất công nghiệp - xây dựng từ 16% năm 2000 đến 20-21% năm 2005, lao động ngành dịch vụ từ 21 lên 22-23%, giảm lao động nông, lâm, ngư nghiệp từ 63% xuống 56-57%.
- Tăng lao động kỹ thuật 20% năm 2000 lên 30% năm 2005
- Tạo việc làm ổn định cho 7,5 triệu người
- Năm 2005 giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị 5,4%

Như vậy, Nhà nước ta đã có rất nhiều biện pháp để hình thành đội ngũ lao động có chất lượng cao, chuẩn bị chất lượng lao động tốt phục vụ yêu cầu của thị trường.

Tuy nhiên, mặc dù đã có rất nhiều cố gắng nhưng nguồn lao động của ta chỉ đông đảo nhưng chất lượng còn thấp kém, không đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Việc ra đời của một số chợ lao động vẫn còn nhỏ, lẻ, chưa mang quy mô toàn quốc, chưa diễn ra thường xuyên và còn nhiều tình trạng chen lấn xô đẩy ở chợ lao động. Đồng thời việc thu hút lao động từ nông thôn ra thành thị vào các khu công nghiệp nảy sinh nhiều vấn đề xã hội như nhà ở, dịch vụ, tệ nạn xã hội.

3. Thị trường vốn

Thị trường vốn là một lĩnh vực rộng và phức tạp gắn với các hoạt động tài chính, tín dụng, ngân hàng. Thị trường tín dụng trung hạn và dài hạn đã có bước chuyển biến tích cực. Tỷ trọng cho vay trung hạn và dài hạn của hệ thống ngân hàng thương mại đã tăng lên đáng kể. Theo báo cáo của các ngân hàng thương mại quốc doanh, tính đến ngày 31/12/2001 dư nợ trung hạn và dài hạn của các ngân hàng thương mại là 55,9 nghìn tỉ đồng, bằng 33,7% tổng dư nợ cho vay.

Ta đã biết hình thành và phát triển đồng bộ thị trường vốn là cơ sở vững chắc cho việc phát triển thị trường chứng khoán trong tương lai. Ngày

28/11/1996 chính phủ ban hành Nghị định 75/CP về việc thành lập uỷ ban chứng khoán Nhà nước, ngày 11/7/1998 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Quyết định 127/1998/QĐ-TTG về việc thành lập hai trung tâm giao dịch chứng khoán ở Hà Nội và TP.HCM. Sau hơn 2 năm đi vào hoạt động (tính đến 7/2002) đã có 19 loại cổ phiếu niêm yết trên trung tâm giao dịch với tổng giá trị vốn điều lệ là 1.016 tỉ đồng. Uỷ ban chứng khoán đã phối hợp với Bộ tài chính thực hiện đấu thầu 22 phiên bản và bảo lãnh phát hành trái phiếu chính phủ với tổng giá trị là 3088,6 tỉ đồng.

Hiện nay trên thị trường chứng khoán Việt Nam có 11 công ty chứng khoán được thành lập gồm có 5 công ty chứng khoán cổ phần và 6 công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán. Có 7/11 công ty đăng ký thực hiện đầy đủ 5 nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đó là: môi giới, tự doanh, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư chứng khoán. Đến tháng 7/2002, số tài khoản giao dịch được mở tại các công ty chứng khoán là 12.000, trong đó bao gồm 91 nhà đầu tư là tổ chức và 33 nhà đầu tư nước ngoài.

Các công ty chứng khoán đều hoạt động ổn định, có 7/8 công ty chứng khoán báo cáo lãi, tình hình tài chính nhìn chung là lành mạnh, khả năng thanh toán được đảm bảo. Cơ cấu doanh thu của các công ty chứng khoán đã chuyển biến theo chiều hướng tích cực, nếu như trước đây phần lớn doanh thu là từ lãi trên vốn kinh doanh (do không sử dụng hết vốn kinh doanh) thì hiện nay chiếm phần lớn trong doanh thu là từ nghiệp vụ môi giới và tự doanh.

Nhìn chung việc huy động vốn nhờ phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam còn quá nhỏ bé, hoạt động còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế, nhất là trong điều kiện hội nhập với kinh tế thế giới hiện nay. Việc niêm yết chứng khoán trên thị trường bộc lộ nhiều bất cập: số lượng chứng khoán niêm yết còn thấp, khối lượng trái phiếu chính phủ ban hành hàng năm còn thấp- thường ở mức trên dưới 2% GDP (năm 1998 là 2,93%, năm 1999 là 3,34%, năm 2000 là 2,72%). Trong khi ở các nước Malayxia, Ấnô-nê-xia, Thái Lan tỉ lệ dư nợ của trái phiếu chính phủ chiếm từ 20-30% GDP.

Các trái phiếu chính phủ là ngắn hạn, trung hạn, chưa chuẩn hoá về mệnh giá, thời gian đáo hạn, ngày phát hành,...

4. Thị trường bất động sản

Thị trường bất động sản là một trong những thị trường rất quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Việc phát triển thị trường bất động sản có tác động đến tăng trưởng kinh tế thông qua các kênh như tạo ra kích thích cho đầu tư vào đất đai, nhà xưởng, chuyển bất động sản thành tài sản tài chính để phát triển kinh tế.

Nói đến bất động sản người ta hay nghĩ tới một loại tài sản đó là đất đai và việc phát triển thị trường bất động sản đã được đề cập trong Nghị quyết Đại hội IX Đảng: “Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, từng bước mở thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư”.

Thị trường bất động sản mới được chính thức thừa nhận về pháp lý trong một số năm gần đây, khi Nhà nước xác định quyền sử dụng đất có giá và cho phép chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê,... Tuy mới hình thành nhưng nó đã có những hoạt động rất sôi động, đặc biệt vào thời kỳ “sốt đất, sốt nhà”. Thị trường nhà ở phát triển sôi động, trên 75% số hộ gia đình đã được giao hoặc nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà hay mua để ở, hơn 99% tổng số hộ gia đình có nhà ở. Thị trường kinh doanh mặt bằng xây dựng kinh doanh diện tích văn phòng, khách sạn ... đã khởi sắc với những khoản đầu tư lớn của nhiều thành phần kinh tế vào lĩnh vực này (cuối năm 2001, riêng đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực kinh doanh khách sạn, văn phòng lên tới 7 tỉ USD).

Tuy nhiên, thị trường bất động sản có nhiều khiếm khuyết, tác động tiêu cực, tỉ lệ giao dịch không theo quy định của pháp luật là 70-80% các giao dịch về đất đô thị và các bất động sản khác, cung-cầu về bất động sản mất cân đối nghiêm trọng, nhu cầu của dân cư về nhà ở và nhu cầu của doanh nghiệp tư nhân về mặt bằng kinh doanh lớn nhưng chưa được đáp ứng đầy đủ, còn cung mặt bằng trong khu công nghiệp, chế xuất, diện tích khách sạn, văn phòng vượt quá

cầu. Giá cả bất động sản “nóng, lạnh” thất thường, trong 10 năm qua thị trường bất động sản đã trải qua cơn sốt năm 1993, “đóng băng” trong những năm 1997-1999, rồi lại “sốt” vào cuối năm 2000, năm 2003 có hiện tượng này ở một số nơi. Ngân sách Nhà nước thất thu lớn vì phần lớn các giao dịch bất động sản diễn ra “ngầm”, chỉ riêng khoản thu do cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời 1996-2000 bình quân khoảng 973 tỉ đồng/năm với tỉ lệ cấp đạt 16%, nếu cấp được 100% thì thu hàng năm về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lên tới 5-6 nghìn tỉ đồng. Điều đó chứng tỏ bộ máy quản lý của ta còn yếu.

5. Thị trường khoa học – công nghệ

Từ kinh nghiệm thành công của các nền kinh tế vài ba thập kỷ gần đây, các chuyên gia hàng đầu thế giới đã đi đến kết luận là tăng trưởng kinh tế của một nước được quyết định bởi 3 yếu tố : vốn, công nghệ hiện đại và nguồn lực con người.

Công nghệ trong thời đại toàn cầu hoá như hiện nay có vai trò hết sức to lớn nó giúp đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, tạo nên qui trình sản xuất tiên tiến giúp ta có thể đi tắt, đón đầu bắt kịp với kinh tế các nước trong khu vực và trên thế giới.

Việc hình thành thị trường khoa học công nghệ ở Việt Nam còn rất đơn sơ, chưa có điều kiện phát triển , việc hình thành và phát triển các chợ công nghệ đang rất nhỏ, lẻ và còn manh mún.

Nhà nước mới chỉ có một số văn bản pháp luật liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp, khuyến khích sáng chế, cải tiến kỹ thuật... chưa có môi trường pháp lý đáp ứng đủ yêu cầu của sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, chúng ta cũng đã rất cố gắng trong việc tiếp cận và phát triển thị trường này. Bằng chứng là tháng 8/2003 Bộ khoa học và công nghệ đã phối hợp với uỷ ban khoa học công nghệ và môi trường tổ chức hội thảo về đổi mới cơ chế quản lý khoa học công nghệ. Ngày 22/10/2003 quỹ phát triển khoa học công nghệ quốc gia ra đời, địa điểm triển khai cho việc tạo lập thị trường khoa học công nghệ. Được phép của thủ tướng chính phủ, Bộ khoa học công nghệ đã phối hợp cùng với uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội tổ chức

thành công chợ công nghệ thiết bị Việt Nam 2003-Tech mart 2003 (từ ngày 13-15/10/2003 tại Hà Nội), lần đầu tiên chợ công nghệ và thiết bị được tổ chức quy mô toàn quốc với sự tham gia của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, có 34 tổ chức nước ngoài, trên 2000 công nghệ, thiết bị chào bán với 400 gian hàng (vượt 150 gian so với chỉ tiêu), hơn 180.000 lượt khách tham quan, có 676 hợp đồng và bản ghi nhớ được ký trị giá 1000 tỉ đồng. Có 1260 công nghệ được tặng thưởng huy chương. Đó quả là những con số đáng khích lệ và cần được tổ chức nhiều chợ công nghệ hơn nữa, tổ chức thường xuyên hơn nữa để cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước có dịp trao đổi công nghệ, tiếp cận với công nghệ mới.

Thêm nữa, lực lượng khoa học nước ta dồi dào : có 233 đơn vị khoa học công nghệ trung ương, tổng số có 22.313 người, trong khoa học tự nhiên có 2538 người, khoa học nông lâm thủy sản có 5384 người, khoa học y dược 4026 người, khoa học kỹ thuật 7426 người, khoa học xã hội nhân văn có 2939 người. Như vậy, Việt Nam có cơ sở để phát triển mạnh các ngành khoa học công nghệ, đảm bảo tiền đề phát triển cho thị trường khoa học công nghệ.

II. Phương hướng và giải pháp phát triển các loại thị trường ở Việt Nam

Rõ ràng việc phát triển các loại thị trường ở nước ta là một bước đi hoàn toàn đúng đắn, nhưng việc phát triển thị trường nào trước, thị trường nào sau, thời điểm nào cần tăng tốc, thời điểm nào cần hạn chế sự phát triển phải dựa trên quyết định sáng suốt của Nhà nước. Để tránh những sai sót, những nhầm lẫn đáng tiếc, để tránh những tác động tiêu cực do việc hình thành và phát triển các loại thị trường đem lại thì Đảng và Nhà nước ta phải có bước đi đúng đắn và kịp thời, phải hiểu kỹ về các loại thị trường, tìm ưu và khuyết điểm của nó để từ đó có bước đi đúng đắn và kịp thời, giúp đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước .

1. Thị trường hàng hoá - dịch vụ

Để thị trường hàng hoá - dịch vụ phát triển nhanh và lành mạnh, việc quan trọng nhất là cần làm và có thể làm được trong thời gian không quá dài là hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh thị trường này. Trước hết cần thống nhất

khung pháp lý cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Quá trình đổi mới đi liền với việc ban hành các luật về các loại hình doanh nghiệp (luật doanh nghiệp, luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ... song song với việc trên cần khẩn trương ban hành luật mới tạo môi trường kinh doanh thông thoáng và có tính cạnh tranh cao, xoá bỏ sự phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường, tăng cầu trong nền kinh tế là hướng đặc biệt quan trọng để phát triển kinh tế – xã hội nói chung và thị trường hàng hóa – dịch vụ nói riêng. Hiện nay, mức thu nhập của người Việt Nam rất thấp, văn hoá tiết kiệm vẫn còn đang thịnh hành trong xã hội nên việc tăng cầu nhanh là chuyện không dễ dàng, cần phải tiến hành từng bước. Nhà nước cần có biện pháp để kích cầu thông qua việc tăng chi ngân sách.

Chúng ta cần quan tâm đến việc thâm nhập thị trường thế giới, mạnh dạn mở cửa thị trường trong nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa của các doanh nghiệp. Việc xây dựng thông tin dự báo thị trường, đào tạo năng lực cho cán bộ thương mại và ngoại giao ở nước ngoài, tổ chức nghiên cứu thị trường nước ngoài để có căn cứ sản xuất trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm cũng là một yêu cầu quan trọng của Nhà nước trong việc quản lý thị trường nhưng việc thực hiện quá yếu cần đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa để đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng và uy tín của nhà sản xuất, Nhà nước cần kiểm soát giá cả của một số mặt hàng: điện, viễn thông, xăng dầu để bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, đảm bảo lợi ích quốc gia, và cả nền kinh tế.

2. Thị trường lao động

Đối với thị trường này Nhà nước cần phải ban hành các hệ thống luật, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường lao động như tiền lương, tiền công, việc làm, thất nghiệp... phải nhất quán và đồng bộ theo cơ chế thị trường, xoá bỏ bao cấp.

Để có thể phát triển thị trường lao động một cách có hiệu quả ta cần quan tâm đến:

- Phát triển thị trường lao động tôn trọng quy luật giá trị, cung cầu và cạnh tranh của thị trường.
- Coi thị trường lao động là một bộ phận quan trọng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.
- Cần phát triển đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội, phân phối công bằng, hài hoà lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động, hạn chế sự phân biệt đối xử với người lao động, tránh ngược đãi, họ phải có cơ hội làm việc và điều kiện làm việc an toàn.
- Nâng cao hiểu biết cho người lao động về quyền và nghĩa vụ của mình
- Đào tạo người lao động cho đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài

3. Thị trường vốn

Trong thời gian qua, chính sách tài chính, tiền tệ của nước ta đã có nhiều tiến bộ và đã kiềm chế được lạm phát. Năm 2002, mức lạm phát là 4%, trong khi mức tăng trưởng là 7,04% thể hiện nền kinh tế đã phát triển ổn định. Để thị trường vốn phát triển đồng bộ với các thị trường khác, trong thời gian tới cần phải thực hiện được một số biện pháp sau:

- Lãi suất thả nổi, tỉ giá nổi lỏng, biên độ dao động là những tiến bộ trong quá trình phát triển thị trường vốn. Tuy nhiên để có một môi trường vốn thực sự và hoàn chỉnh thì cần phải mở rộng thị trường vốn gắn với việc đổi mới chính sách, luật có liên quan đến các thị trường tài chính, tín dụng, tiền tệ. Lãi suất phải để thị trường quyết định, giảm dần sự độc quyền chi phối của ngân hàng thương mại quốc doanh. Tỷ giá cũng phải để thị trường quyết định; tỷ giá tuy đã nổi lỏng biên độ nhưng vẫn chưa do thị trường quyết định.
- Có chính sách thu hút các nguồn vốn nhàn rỗi trên dân cư đưa vào đầu tư phát triển .
- Mở rộng và gia tăng nguồn vốn tính dụng cho các ngân hàng thương mại nhà nước, phát triển các ngân hàng cổ phần để tư nhân tham gia, mở rộng hoạt động với ngân hàng nước ngoài nhằm tăng sức cạnh tranh.

- Sớm có lộ trình cho thị trường chứng khoán phát triển, thị trường chứng khoán ra đời nhưng hoạt động còn mờ nhạt, người dân chưa quen với thị trường chứng khoán, cơ chế, chính sách đối với thị trường còn lúng túng.

4. Thị trường bất động sản

Thị trường bất động sản đang hoạt động ngầm dưới nhiều hình thức. Để thị trường này phát triển lành mạnh cần sớm có một khung pháp lý thích hợp và ổn định cho cả thị trường bất động sản và thị trường vốn hoạt động.

Cho đến nay luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành còn nhiều bất cập so với thực tiễn cuộc sống. Các quy định của luật đất đai tập trung chủ yếu giải quyết những vấn đề thuộc về cơ chế chính sách liên quan đến việc quản lý và sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất đô thị chưa được quy định cụ thể, rõ ràng. Thực tế việc hình thành các khu đô thị, khu công nghiệp được phát triển nhanh nhưng luật đất đai đã bộc lộ sự hạn chế kìm hãm, chưa phát huy được vai trò là một trong các yếu tố đòn bẩy để phục vụ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Do vậy cần phải kiện toàn hệ thống luật.

Việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một vấn đề quan trọng nhưng lại giao cho rất nhiều cơ quan, nên thực tế đã có sự chồng chéo, vì vậy Nhà nước cần quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, quy hoạch đất sao cho hợp lý và hiệu quả.

Vấn đề bất cập về luật đất đai ở nước ta đã quá rõ ràng, Quốc Hội nước ta đã có nhiều nghiên cứu sửa đổi và cần tiếp tục sửa đổi, cần cho đất đai tham gia vào thị trường bất động sản một cách công khai thì thị trường bất động sản mới có cơ hội phát triển.

5. Thị trường khoa học-công nghệ

Để đưa khoa học - công nghệ vào thị trường cần có cơ chế, chính sách phù hợp với các sản phẩm của khoa học - công nghệ trong nền kinh tế thị trường.

- Pháp luật cần khuyến khích đưa các hoạt động sáng tạo, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất - kinh doanh.

- Mở rộng hoạt động nghiên cứu ở các trường đại học, viện nghiên cứu và các kết quả lao động sáng tạo sẽ được ký kết hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, chuyển giao công nghệ.
- Xác lập quyền sở hữu công nghiệp bằng hệ thống pháp luật hữu hiệu. Quyền sở hữu công nghiệp là quyền sở hữu của cá nhân, pháp nhân đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp...

Thị trường khoa học và công nghệ sẽ hình thành, phát triển khi pháp luật thừa nhận quyền sở hữu công nghiệp và coi sản phẩm khoa học công nghệ là hàng hóa và được trao đổi trên thị trường.

KẾT LUẬN

Nước ta đã tiến hành đổi mới được 20 năm. Tính từ thời điểm đổi mới, năm 1986, từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kể từ đó đến nay nền kinh tế thị trường đang vận hành một cách có hiệu quả, các loại thị trường đã lần lượt được hình thành như thị trường hàng hóa - dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn... Mặc dù còn nhiều thiếu sót, còn nhiều bất cập và bỏ ngõ nhưng chúng ta đã giành được những thành tựu đáng được ghi nhận trong thời gian vừa qua, đó là những thắng lợi cổ vũ cho những bước đi tiếp theo của thành công trên con đường phát triển của thị trường nước ta.

Mỗi chúng ta - chủ nhân tương lai của đất nước hãy cố gắng góp công sức của mình vào quá trình phát triển kinh tế, góp phần xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như Bác hằng mong ước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Văn kiện Đại Hội Đảng VI, VII, VIII, IX
- Tổng quan quy hoạch phát triển kinh tế xã hội Việt Nam
(NXB chính trị quốc gia)
- Kinh tế xã hội Việt Nam hướng tới chất lượng tăng trưởng-hội nhập
phát triển bền vững
(TS. Nguyễn Mạnh Hùng NXB Thống Kê)
- Đổi mới các chính sách kinh tế
(PGS. TS. Phạm Ngọc Côn NXB Nông nghiệp)
- Một số vấn đề kinh tế –xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới (NXB chính
trị quốc gia)
- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt
Nam
(NXB Thống kê)
- Kinh tế xã hội Việt Nam Thực trạng xu thế và giải pháp
- Tìm hiểu về kinh tế thị trường
(Viện nghiên cứu các vấn đề kinh tế)